

Số: 384/TB-SPS-BNNMT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2026

## THÔNG BÁO

### **Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 15/5 - 31/5/2026**

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 15/5-31/5/2026 của Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

#### **1. Số lượng thông báo: 44, gồm:**

- 25 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 19 thông báo có hiệu lực.

#### **2. Một số thông báo cần chú ý:**

a) Ô-xtrây-li-a thông báo dự thảo và mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn sinh học đối với nhiều loại vật liệu nhân giống và cây giống, có ảnh hưởng trực tiếp đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, cụ thể:

- Đối với bệnh Moko (Thông báo G/SPS/N/AUS/635), vi-rút chùn ngọn chuối và khảm bẹ chuối (Thông báo G/SPS/N/AUS/634) và nấm *Phytophthora ramorum* (Thông báo G/SPS/N/AUS/633): Do Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia đã ghi nhận dịch bệnh hoặc có nguy cơ cao, mẫu nuôi cấy mô nhập khẩu vào Ô-xtrây-li-a bắt buộc phải đi kèm khai báo bổ sung xác nhận có kết quả xét nghiệm PCR âm tính. Riêng vật liệu không qua nuôi cấy mô phải được đưa vào cơ sở cách ly sau nhập khẩu của Chính phủ trong thời gian tối thiểu từ 12 đến 15 tháng để theo dõi và giám định dịch bệnh.

- Đối với vi khuẩn *Xylella fastidiosa* (Thông báo G/SPS/N/AUS/376/Add.10): Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có nguy cơ thấp, do đó mọi vật liệu nhân giống bắt buộc phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan chuyên môn phụ trách cấp nhằm khẳng định lô hàng có nguồn gốc từ quốc gia hoàn toàn sạch mầm bệnh này.

b) Trung Quốc thông báo đính chính dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm Capsanthin (Thông báo G/SPS/N/CHN/1367/Corr.1 ngày 19/5/2026). Dự thảo cập nhật khối lượng phân tử tương đối của capsanthin và capsorubin; điều chỉnh tên gọi chỉ tiêu hấp thụ quang; đồng thời sửa đổi chỉ tiêu và phương pháp kiểm nghiệm đối với capsaicin, chì, asen và dư lượng dung môi. Cụ thể, quy định giới hạn đối với asen và chì

không quá 1,0 mg/kg; tổng dư lượng dung môi hữu cơ không quá 50 mg/kg và hàm lượng capsaicin không vượt quá 0,02%.

c) Liên minh châu Âu ban hành các Quy định (EU) số 2026/1012, 2026/1014, 2026/1017, 2026/1018 và 2026/1037 về việc cấp phép sử dụng một số chế phẩm sinh học và axit amin (bao gồm L-threonine, L-tryptophan, L-cysteine, Enterococcus lactis) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đối với tất cả các loài động vật. Theo đó, các quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia phải nêu rõ điều kiện bảo quản, độ ổn định; đồng thời bắt buộc cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát nghiêm ngặt rủi ro phơi nhiễm nội độc tố đối với người sử dụng.

d) Ba Lan thông báo ban hành biện pháp khẩn cấp quy định yêu cầu riêng về dư lượng một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm có xuất xứ từ nước thứ ba, gồm glufosinate, thiophanate-methyl, carbendazim và benomyl.

Theo quy định, một số loại thực phẩm nhập khẩu như trái cây có múi, táo, lê, đào, mận, nho, xoài, đu đủ, cà chua, cà tím, đậu, ngũ cốc, mật ong và một số sản phẩm khác phải đáp ứng mức dư lượng tối đa riêng do Ba Lan quy định. Trong đó, quy định mức dư lượng tối đa theo từng nhóm sản phẩm, gồm: tổng dư lượng carbendazim và benomyl, tính theo carbendazim, ở mức 0,01 mg/kg; dư lượng glufosinate ở mức 0,03 mg/kg; dư lượng thiophanate-methyl ở mức 0,01 mg/kg. Danh mục sản phẩm áp dụng tương ứng với từng hoạt chất được quy định cụ thể tại Phụ lục của Quy định

Ba Lan cho biết các hoạt chất này đã bị cấm hoặc không được gia hạn phê duyệt tại EU do có nguy cơ đối với sức khỏe con người, bao gồm độc tính sinh sản, khả năng gây đột biến và rối loạn nội tiết. Ba Lan cũng dẫn ý kiến của EFSA và Codex Alimentarius cho rằng một số mức dư lượng hiện hành có thể dẫn đến vượt ngưỡng tham chiếu độc chất học; đồng thời Codex đã bãi bỏ toàn bộ mức dư lượng tối đa đối với tổng carbendazim, benomyl và thiophanate-methyl, tính theo carbendazim, từ tháng 11/2025.

Quy định được ban hành ngày 30/4/2026, công bố ngày 6/5/2026, có hiệu lực từ ngày **7/6/2026** và áp dụng trong 12 tháng, hoặc cho đến khi EU ban hành quy định tương ứng hoặc có quyết định không ban hành quy định liên quan.

đ) Thổ Nhĩ Kỳ thông báo sửa đổi và cập nhật Quy định kiểm dịch thực vật, quy định đã được công bố trên Công báo Thổ Nhĩ Kỳ ngày 06/5/2026, số 33245, và sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày công bố.

Theo đó, quy định các nguyên tắc, thủ tục và biện pháp kiểm soát chính thức đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác trong hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, tái xuất khẩu và đưa vào/rời khỏi khu vực tự do của Thổ Nhĩ Kỳ, nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của sinh vật gây hại. Các lô hàng thuộc phạm vi điều chỉnh phải thực hiện thủ tục trên Hệ thống đăng ký và theo dõi kiểm dịch thực vật của Thổ Nhĩ Kỳ và chịu kiểm tra theo ba bước gồm kiểm tra hồ sơ, kiểm tra khai báo và kiểm tra kiểm dịch thực vật; trong trường hợp cần thiết có thể bị lấy mẫu, phân tích tại phòng thí nghiệm được chỉ định.

e) Nhật Bản thông báo dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo Luật Vệ sinh thực phẩm (Thông báo G/SPS/N/JPN/1414 ngày 29/5/2026). Dự thảo quy định tiêu chuẩn đối với dung dịch tiền xử lý xác định L-glutamic acid dùng trong thử nghiệm hoạt tính enzyme; đồng thời sửa đổi và chuẩn hóa phương pháp thử hoạt tính của phụ gia thực phẩm Fructosyl Transferase và Glutaminase. Theo đó, Nhật Bản điều chỉnh thể tích mẫu thử, thuốc thử, thời gian phản ứng và giảm bước sóng đo hấp thụ từ 600 nm xuống 555 nm nhằm cập nhật yêu cầu kỹ thuật đối với các phụ gia enzyme này.

f) Cộng đồng Đông Phi thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 2:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mặt hàng Ngô tẻ dùng làm thực phẩm cho người (Thông báo G/SPS/N/BDI/160 ngày 27/5/2026). Theo dự thảo, sản phẩm Ngô tẻ phải tuân thủ độ ẩm tối đa là 13,5%, cùng các giới hạn về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng và độc tố vi nấm (tổng aflatoxin tối đa 10 µg/kg). Riêng đối với Hạt ngô nổ, dự thảo bổ sung yêu cầu bắt buộc về tỷ lệ nở theo từng cấp hạng đối với nhóm bắp rang bướm (butterfly popcorn) và bắp rang nấm (mushroom popcorn). Ngoài ra, khu vực này cũng ban hành nhiều dự thảo tiêu chuẩn khác liên quan đến các sản phẩm như thịt, chuỗi ngọt tươi và các loại bột ngũ cốc.

*(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo)*

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- TTr. Võ Văn Hưng (để báo cáo);
- TTr. Hoàng Trung (để báo cáo);
- Các Cục: CN&TY; TT&BVTV; CCPT, LN&KL;
- Cục XNK (Bộ CT); Cục ATTP (Bộ YT);
- Văn phòng TBT Việt Nam (Bộ KH&CN);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT.



**Phụ lục**  
**DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM**  
**VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)**  
**TỪ NGÀY 16- 31/5/2026**

*(Kèm theo Thông báo số 384 /TB-SPS-BNNMT ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)*

**1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý**

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/JPN/1414	ATTP	Nhật Bản	29/5/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo Luật Vệ sinh thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo Luật Vệ sinh thực phẩm. Theo đó, dự thảo quy định tiêu chuẩn đối với dung dịch tiền xử lý xác định L-glutamic acid dùng trong thử nghiệm hoạt tính enzyme và sửa đổi tiêu chuẩn đối với dung dịch xác định L-glutamic acid, bao gồm thay đổi thành phần hóa chất sử dụng trong dung dịch thử. Đồng thời, Nhật Bản sửa đổi phương pháp thử hoạt tính của phụ gia thực phẩm Fructosyl Transferase và Glutaminase như điều chỉnh thể tích mẫu thử và thuốc thử, thời gian phản ứng, quy trình xử lý dung dịch và bước sóng đo hấp thụ từ 600 nm xuống 555 nm nhằm cập nhật và chuẩn hóa yêu cầu kỹ thuật đối với các phụ gia enzyme này theo Luật Vệ sinh thực phẩm. Thời hạn góp ý trước ngày 28/7/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/BDI/163 <sup>1</sup>	CLCB, CNTY	Cộng đồng Đông Phi	28/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1350:2026 yêu cầu đối với chiết xuất thịt từ động vật.	<p>Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1350:2026 yêu cầu đối với chiết xuất thịt từ động vật. Theo dự thảo, chiết xuất thịt là dạng sệt, cô đặc hoặc bột thu được bằng cách chiết các chất hòa tan từ thịt. Sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu cảm quan: có màu nâu nhạt đến nâu; mùi đặc trưng, không có mùi lạ; vị đặc trưng, không bị đắng, chấy, chua, dính, chát hoặc có vị lạ.</p> <p>Về quá trình sản xuất, chiết xuất thịt phải được chuẩn bị và xử lý tại các cơ sở được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tuân thủ các điều kiện vệ sinh nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn EAS 39.</p> <p>Dự thảo quy định các chỉ tiêu lý hóa bắt buộc gồm: tổng chất khô tối thiểu 80%; chất không tan trong nước và ete tối đa 2%; protein tối thiểu 8%; clorua (tính theo NaCl) tối đa 5%; chất béo tối đa 0,5%.</p> <p>Về an toàn thực phẩm, chiết xuất thịt phải đáp ứng các giới hạn vi sinh vật khắt khe: không được xuất hiện <i>Escherichia coli</i>; <i>Staphylococcus aureus</i> không vượt quá 10<sup>3</sup> CFU/g; không được có mặt <i>Salmonella</i> spp., <i>Clostridium perfringens</i> và <i>Listeria monocytogenes</i> trong 25g sản phẩm; nấm men và nấm mốc tối đa 10<sup>2</sup> CFU/g.</p> <p>Bên cạnh đó, sản phẩm phải tuân thủ giới hạn tối đa đối với kim loại nặng theo quy định CXS 193; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Ủy ban Codex Alimentarius; và dư lượng thuốc thú y theo CXM 2. Việc nhận dạng loài động vật cung cấp thịt được thực hiện theo tiêu chuẩn ISO/TS 20224.</p>

<sup>1</sup> G/SPS/N/KEN/374, G/SPS/N/RWA/156, G/SPS/N/TZA/544, G/SPS/N/UGA/485

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu bao gói bằng vật liệu cấp thực phẩm với nắp đậy kín để bảo vệ sản phẩm khỏi các ô nhiễm vật lý, vi sinh và hóa học trong quá trình bảo quản, phân phối. Nhãn sản phẩm phải được in rõ ràng, không tẩy xóa được và bắt buộc ghi: “Meat extract”, loài động vật sử dụng, tên và địa chỉ nhà sản xuất/nhập khẩu/phân phối, số lô, khối lượng tịnh, ngày sản xuất, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, nước xuất xứ, hướng dẫn sử dụng, danh sách thành phần theo thứ tự giảm dần và khai báo chất gây dị ứng. Việc lấy mẫu được thực hiện theo nguyên tắc chung CXG 50.</p> <p>Dự thảo cũng được thông báo theo Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>
3	G/SPS/N/BDI/162 <sup>2</sup>	CLCB, CNTY	Cộng đồng Đông Phi	28/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1029:2026 yêu cầu đối với thịt thỏ (thân thịt và các phần cắt).	<p>Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1029:2026 yêu cầu đối với thịt thỏ (thân thịt và các phần cắt). Theo dự thảo, thân thịt thỏ được phân loại theo độ tuổi gồm: rất non (thỏ cai sữa 4-5 tuần tuổi), non (dưới 12 tuần tuổi), non trưởng thành (12 tuần đến 6 tháng tuổi), trưởng thành (trên 6 tháng tuổi) và thỏ cái mở (trên 6 tháng tuổi, chưa được thụ tinh).</p> <p>Theo dự thảo, thịt thỏ phải được giết mổ tại cơ sở bảo đảm điều kiện vệ sinh, được cấp phép và giám sát bởi cơ quan có thẩm quyền tuân thủ theo CXC 58. Thân thịt và các phần cắt phải đáp ứng các yêu cầu khắt khe về ngoại quan: không có cục máu đông, bụi xương, tạp chất lạ (bản, gỗ, nhựa, kim loại), mùi lạ, xương nhô hoặc gãy, bầm tím, bong lạnh, tủy sống (trừ thân nguyên chưa chế) và không còn lông. Sản phẩm phải còn nguyên vẹn, được</p>

<sup>2</sup> G/SPS/N/KEN/373, G/SPS/N/RWA/155, G/SPS/N/TZA/543, G/SPS/N/UGA/484

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>làm sạch, cắt tỉa đúng quy cách và đóng dấu kiểm tra “PASSED” bằng mực cấp thực phẩm. Dự thảo quy định thịt thỏ phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh và giới hạn vi sinh vật, cụ thể: không được có mặt <i>Escherichia coli</i> O157:H7 và <i>Salmonella</i> spp. trong 25g sản phẩm; đồng thời giới hạn đối với <i>Staphylococcus aureus</i> không quá <math>10^3</math> CFU/g và <i>Pseudomonas aeruginosa</i> tối đa <math>10^2</math> CFU/g. Bên cạnh đó, sản phẩm phải tuân thủ giới hạn tối đa đối với dư lượng thuốc thú y, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng theo quy định Codex Alimentarius. Phụ gia thực phẩm nếu có sử dụng phải tuân thủ CODEX STAN 192.</p> <p>Về chế biến và bảo quản, dự thảo yêu cầu xử lý nhiệt độ nghiêm ngặt: thịt ướp lạnh phải được đưa về mức <math>1^{\circ}\text{C} - 3^{\circ}\text{C}</math> trong 24 giờ, tiếp tục bảo quản ở <math>-2^{\circ}\text{C}</math> đến <math>4^{\circ}\text{C}</math> (khuyến cáo tiêu thụ trong 4 tuần); đối với thịt đông lạnh, phải bảo quản dưới <math>-18^{\circ}\text{C}</math> (tối đa <math>-12^{\circ}\text{C}</math>) và tiêu thụ trong vòng 12 tháng. Việc vận chuyển phải duy trì dải nhiệt độ tương ứng để bảo đảm chất lượng sản phẩm.</p> <p>Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu về bao gói bằng vật liệu cấp thực phẩm và quy định ghi nhãn bắt buộc, bao gồm: tên sản phẩm “Rabbit meat”, tên phân cắt, thông tin nhà sản xuất, khối lượng tịnh, chất bảo quản (nếu có), ngày sản xuất, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, số lô và nước xuất xứ. Quy định này được xây dựng nhằm tăng cường an toàn thực phẩm, bảo đảm chất lượng thịt thỏ và hài hòa tiêu chuẩn thương mại trong khu vực.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/BDI/165 <sup>3</sup>	CLCB, CNTY	Cộng đồng Đông Phi	28/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1027:2026 yêu cầu đối với thịt xông khói	<p>Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1027:2026 yêu cầu đối với thịt xông khói. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản phẩm thịt xông khói được chế biến từ thịt ướp muối, chủ yếu từ phần bụng lợn, nhưng cũng có thể được sản xuất từ các phần khác của thân thịt hoặc từ các loài động vật thực phẩm khác như bò.</p> <p>Theo dự thảo, nguyên liệu thịt phải có nguồn gốc từ động vật được giết mổ tại cơ sở bảo đảm điều kiện vệ sinh, đáp ứng yêu cầu kiểm tra trước và sau giết mổ. Muối, nitrit, nước sử dụng và các phụ gia thực phẩm phải phù hợp với các tiêu chuẩn Codex và Tiêu chuẩn Đông Phi liên quan. Các thành phần tùy chọn được phép sử dụng bao gồm đường, mật ong, glucose, siro glucose, gia vị, chất tạo hương và khói lỏng; trong đó việc sử dụng khói lỏng phải tuân thủ quy định nhằm hạn chế ô nhiễm hydrocarbon thơm đa vòng (PAH).</p> <p>Dự thảo quy định thịt xông khói phải không có mùi lạ, không chứa tạp chất hoặc dấu hiệu biến màu, đồng thời đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh và giới hạn vi sinh vật đối với <i>Salmonella</i> spp., <i>Escherichia coli</i> O157:H7, <i>Listeria monocytogenes</i>, <i>Staphylococcus aureus</i>, <i>Clostridium perfringens</i>, nấm men và nấm mốc. Ngoài ra, sản phẩm phải tuân thủ giới hạn tối đa đối với dư lượng thuốc thú y, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng theo quy định Codex Alimentarius.</p>

<sup>3</sup> G/SPS/N/KEN/376, G/SPS/N/RWA/158, G/SPS/N/TZA/546, G/SPS/N/UGA/487

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu về bao gói và ghi nhãn sản phẩm, bao gồm tên sản phẩm, loại thịt xông khói, thành phần, cảnh báo dị ứng, thông tin nhà sản xuất, khối lượng tịnh, ngày sản xuất, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, số lô và nước xuất xứ. Quy định này được xây dựng nhằm tăng cường an toàn thực phẩm, bảo đảm chất lượng sản phẩm thịt chế biến và hài hòa tiêu chuẩn thương mại trong khu vực Đông Phi. Hạn góp ý đến ngày 27/7/2026.
5	G/SPS/N/BDI/164 <sup>4</sup>	CLCB, CNTY	Cộng đồng Đông Phi	28/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1028:2026 yêu cầu đối với thịt mông đùi	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 1028:2026 yêu cầu đối với thịt mông đùi. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản phẩm thịt mông đùi được chế biến từ thịt ướp muối, có thể được hun khói, nấu chín, tẩm gia vị và/hoặc tạo hương. Tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm có nguồn gốc chủ yếu từ thịt đùi sau của lợn, đồng thời cũng có thể áp dụng cho các sản phẩm chế biến từ các phần khác của thân thịt hoặc từ các loài động vật thực phẩm khác. Theo dự thảo, động vật sử dụng để sản xuất thịt mông đùi phải được giết mổ tại cơ sở hợp vệ sinh, trải qua kiểm tra trước và sau giết mổ, bảo đảm phù hợp cho tiêu dùng của con người. Nguyên liệu thịt phải có chất lượng tốt, không có mùi lạ, sản phẩm cuối cùng phải có màu sắc, cấu trúc và hình dạng đặc trưng, không chứa tạp chất hoặc dấu hiệu biến màu.

<sup>4</sup> G/SPS/N/KEN/375, G/SPS/N/RWA/157, G/SPS/N/TZA/545, G/SPS/N/UGA/486

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Nước sử dụng trong chế biến phải đạt tiêu chuẩn nước uống, muối và các phụ gia sử dụng phải phù hợp với tiêu chuẩn của Codex và Tiêu chuẩn Đông Phi liên quan.</p> <p>Dự thảo cũng quy định các thành phần tùy chọn có thể sử dụng trong sản xuất như đường sucrose, mật ong, glucose, siro glucose, gia vị, chất tạo hương và các loại gia vị khác; hoạt động hun khói phải tuân thủ quy định nhằm hạn chế ô nhiễm hydrocarbon thơm đa vòng (PAH).</p> <p>Ngoài ra, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh và giới hạn vi sinh vật, bao gồm <i>Salmonella</i> spp., <i>Escherichia coli</i> O157:H7, <i>Listeria monocytogenes</i>, <i>Staphylococcus aureus</i>, nấm men và nấm mốc.</p> <p>Bên cạnh đó, dự thảo yêu cầu sản phẩm thịt phải tuân thủ giới hạn tối đa đối với dư lượng thuốc thú y, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng theo quy định Codex Alimentarius.</p> <p>Quy định về bao gói và ghi nhãn cũng được đưa ra, yêu cầu ghi rõ tên sản phẩm, nguồn gốc loài động vật, dạng sản phẩm (hun khói, ướp đường, ít mỡ...), thành phần, cảnh báo dị ứng, ngày sản xuất, hạn sử dụng, điều kiện bảo quản, số lô và nước xuất xứ.</p> <p>Dự thảo được xây dựng nhằm tăng cường an toàn thực phẩm và hài hòa tiêu chuẩn thương mại đối với sản phẩm thịt chế biến trong khu vực Đông Phi.</p> <p>Hạn góp ý đến ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/AUS/632	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	28/5/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo các biện pháp kiểm soát rủi ro tăng cường đối với <i>Tobravirus capsici</i> (tác nhân gây bệnh Pepper ringspot)	<p>Ô-xtrây-li-a dự thảo các biện pháp kiểm soát rủi ro tăng cường đối với các loài thực vật ký chủ được phép nhập khẩu thuộc các chi có nguy cơ nhiễm virus <i>Tobravirus capsici</i> (tác nhân gây bệnh Pepper ringspot).</p> <p>Theo đó, đối với hàng hóa xuất xứ từ các quốc gia sạch bệnh (bao gồm Việt Nam), mọi vật liệu nhân giống (bao gồm mẫu nuôi cấy mô và mẫu không qua nuôi cấy mô) đều bắt buộc phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhằm khẳng định lô hàng và cây giống mẹ được trồng hoàn toàn tại quốc gia không có loại virus này.</p> <p>Ngược lại, đối với Nam Phi và Brazil là những quốc gia đã ghi nhận sự tồn tại của dịch bệnh, Úc sẽ tạm dừng nhập khẩu các chi thực vật ký chủ này để chờ rà soát lại các biện pháp quản lý rủi ro an toàn sinh học nhằm đảm bảo đáp ứng Mức độ bảo vệ phù hợp (ALOP) của Ô-xtrây-li-a.</p> <p>Các điều kiện nhập khẩu hiện hành khác đối với hàng hóa vẫn tiếp tục được áp dụng.</p> <p>Chi tiết danh sách các chi vật chủ đã được xác nhận có nguy cơ nhiễm bệnh Pepper ringspot tại thông báo của Ô-xtrây-li-a.</p> <p>Dự thảo dự kiến sẽ áp dụng từ ngày 17/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/AUS/635	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	28/5/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi các biện pháp kiểm soát rủi ro trên cây giống đối với bệnh Moko ( <i>Ralstonia solanacearum</i> phylotype II).	<p>Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi các biện pháp kiểm soát rủi ro đối với các loài thực vật được phép nhập khẩu thuộc các chi có nguy cơ nhiễm bệnh Moko (<i>Ralstonia solanacearum</i> phylotype II).</p> <p>Theo đó, nếu xuất xứ từ các quốc gia sạch bệnh, mọi vật liệu nhân giống (gồm mẫu nuôi cấy mô và không qua nuôi cấy mô) đều bắt buộc phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để khẳng định lô hàng và cây giống mẹ được trồng hoàn toàn tại quốc gia không có bệnh Moko.</p> <p>Ngược lại, đối với các quốc gia đã ghi nhận dịch bệnh (bao gồm Việt Nam), mẫu nuôi cấy mô yêu cầu phải đi kèm khai báo bổ sung xác nhận mẫu cây mô gốc đã có kết quả xét nghiệm PCR âm tính (bắt buộc ghi rõ mã số phiếu xét nghiệm); riêng vật liệu không qua nuôi cấy mô phải đưa vào cơ sở cách ly sau nhập khẩu của chính phủ tại Mickleham, VIC để theo dõi sinh trưởng và giám định dịch bệnh trong tối thiểu 12 tháng, lô hàng chỉ được thông quan sau khi có kết quả xét nghiệm âm tính với các mầm bệnh an toàn sinh học.</p> <p>Các điều kiện nhập khẩu hiện hành khác vẫn tiếp tục được áp dụng.</p> <p>Chi tiết danh sách các chi vật chủ đã được xác nhận có nguy cơ nhiễm bệnh Moko tại thông báo của Ô-xtrây-li-a.</p> <p>Dự thảo dự kiến sẽ áp dụng từ ngày 17/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/AUS/634	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	28/5/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo các biện pháp mới đối với virus gây bệnh chùn ngọn chuối (Banana bunchy top virus - BBTV) và virus gây bệnh khảm bẹ chuối (Banana bract mosaic virus - BBrMV) trên cây giống thuộc chi <i>Alpinia</i> .	<p>Ô-xtrây-li-a dự thảo các biện pháp mới nhằm tăng cường quản lý đối với tất cả các loài thuộc chi <i>Alpinia</i> được phép nhập khẩu nhằm kiểm soát rủi ro từ virus gây bệnh chùn ngọn chuối (Banana bunchy top virus - BBTV) và virus gây bệnh khảm bẹ chuối (Banana bract mosaic virus - BBrMV).</p> <p>Theo đó, nếu nhập khẩu từ các quốc gia sạch bệnh, mọi vật liệu nhân giống (gồm mẫu nuôi cấy mô và không qua nuôi cấy mô) đều yêu cầu phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để khẳng định lô hàng cũng như cây giống mẹ được trồng hoàn toàn tại quốc gia không có hai loại virus này.</p> <p>Ngược lại, đối với các quốc gia đã ghi nhận sự tồn tại của dịch bệnh (Ô-xtrây-li-a đã ghi nhận sự xuất hiện của cả 2 loại virus trên tại Việt Nam), mẫu nuôi cấy mô bắt buộc phải đi kèm khai báo bổ sung xác nhận mẫu cây mô gốc đã có kết quả xét nghiệm PCR âm tính (ghi rõ mã số phiếu xét nghiệm của phòng thí nghiệm); riêng vật liệu không qua nuôi cấy mô sẽ phải đưa vào cơ sở cách ly sau nhập khẩu của chính phủ tại Mickleham, VIC để theo dõi sinh trưởng và giám định dịch bệnh trong tối thiểu 12 tháng, và lô hàng chỉ được thông quan sau khi có kết quả xét nghiệm âm tính với các mầm bệnh an toàn sinh học.</p> <p>Các điều kiện nhập khẩu hiện hành khác vẫn tiếp tục được áp dụng.</p> <p>Dự thảo dự kiến sẽ áp dụng từ ngày 17/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/AUS/633	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	28/5/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm dịch đối với nấm <i>Phytophthora ramorum</i> .	<p>Ô-xtrây-li-a dự thảo mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm dịch đối với nấm <i>Phytophthora ramorum</i> (tác nhân gây bệnh Sudden Oak Death) cho tất cả các lô hàng cây giống thuộc các chi <i>Lysimachia</i>, <i>Oxalis</i> và <i>Polystichum</i> có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp từ ngày dự thảo được áp dụng (các lô hàng cấp chứng nhận trước đó vẫn được phép nhập khẩu theo quy định cũ).</p> <p>Theo đó, đối với các quốc gia thuộc nhóm nguy cơ thấp, mọi dạng vật liệu nhân giống đều bắt buộc phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhằm khẳng định cây trồng có nguồn gốc từ quốc gia hoàn toàn sạch các chủng nấm này.</p> <p>Riêng đối với nhóm quốc gia có nguy cơ cao (bao gồm Việt Nam), do rủi ro dịch hại gia tăng, Úc nghiêm cấm nhập khẩu các dạng vật liệu cây trồng khác và chỉ chấp thuận nhập khẩu kèm theo yêu cầu đưa vào cơ sở cách ly sau nhập khẩu của chính phủ tại Mickleham, VIC để theo dõi, giám định đối với ba nhóm vật liệu: mẫu nuôi cấy mô, cành giâm hoặc mắt ghép chưa ra rễ ở trạng thái ngủ nghỉ (thời gian cách ly tối thiểu 12 tháng) và cây rễ trần không có lá (thời gian cách ly tối thiểu 15 tháng). Các điều kiện nhập khẩu hiện hành khác đối với hàng hóa vẫn tiếp tục được áp dụng.</p> <p>Dự thảo dự kiến sẽ áp dụng từ ngày 17/6/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/BDI/161 <sup>5</sup>	TTBVTV	Cộng đồng Đông Phi	27/5/2026	Cộng đồng Đông phi thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 892:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với chuối ngọt tươi (Fresh sweet banana).	<p>Cộng đồng Đông phi thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 892:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với chuối ngọt tươi (Fresh sweet banana).</p> <p>Dự thảo quy định yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với chuối ngọt tươi thuộc loài <i>Musa spp.</i>, họ Musaceae, ở trạng thái xanh hoặc chín, để cung cấp cho người tiêu dùng. Dự thảo không áp dụng đối với chuối dùng để nấu ăn, bao gồm plantain và chuối cao nguyên Đông Phi, hoặc chuối dùng cho chế biến công nghiệp.</p> <p>Theo dự thảo, chuối ngọt tươi phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu như nguyên quả, chắc, sạch, hầu như không có sinh vật gây hại hoặc tổn thương do sinh vật gây hại, không có độ ẩm bất thường bên ngoài, không có mùi/vị lạ, không bị tổn thương do nhiệt độ thấp, hầu như không bị dập, không dị dạng hoặc cong bất thường, đã loại bỏ đầu nhụy và có cuống nguyên vẹn. Đối với nải hoặc chùm chuối, phần cuống/núm phải có màu sắc bình thường, lạnh lặn, không nhiễm nấm và được cắt sạch.</p> <p>Dự thảo phân loại chuối ngọt tươi thành 03 hạng chất lượng gồm hạng “Extra”, hạng I và hạng II. Hạng “Extra” yêu cầu sản phẩm có chất lượng cao, mang đặc tính điển hình của giống hoặc loại thương mại và gần như không có khuyết tật, trừ các khuyết tật rất nhẹ trên</p>

<sup>5</sup> G/SPS/N/KEN/372, G/SPS/N/RWA/154, G/SPS/N/TZA/542, G/SPS/N/UGA/482

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>bề mặt không ảnh hưởng đến hình thức, chất lượng và cách trình bày.</p> <p>Hạng I cho phép khuyết tật nhẹ về hình dạng, màu sắc hoặc khuyết tật nhẹ trên vỏ do cọ xát và các nguyên nhân bề mặt khác, với tổng diện tích khuyết tật không vượt quá 2 cm<sup>2</sup>. Hạng II áp dụng cho sản phẩm không đạt hạng cao hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu tối thiểu; cho phép khuyết tật về hình dạng, màu sắc hoặc khuyết tật trên vỏ do trầy xước, sẹo, cọ xát, vết đốm hoặc nguyên nhân khác, với tổng diện tích khuyết tật không vượt quá 4 cm<sup>2</sup>. Các khuyết tật nêu trên không được ảnh hưởng đến phần thịt quả.</p> <p>Về kích cỡ, dự thảo quy định việc phân cỡ dựa trên chiều dài phần thịt ăn được của quả và cỡ quả, tức độ dày/chu vi mặt cắt ngang đo ở phần giữa quả. Chiều dài tối thiểu được phép là 14 cm, trừ giống apple banana, và cỡ quả tối thiểu là 2,7 cm. Dự thảo cũng quy định mức dung sai về chất lượng, kích cỡ và cách trình bày đối với từng hạng sản phẩm; chuối có thể được trình bày dưới dạng nải, chùm gồm ít nhất 04 quả hoặc từng quả rời.</p> <p>Về an toàn thực phẩm, chuối ngọt tươi phải tuân thủ mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật do Ủy ban Codex về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật thiết lập cho mặt hàng này. Hàm lượng chì trong chuối ngọt tươi không được vượt quá 0,1 mg/kg khi thử nghiệm theo ISO 6633. Sản phẩm được khuyến nghị chuẩn bị và xử lý theo Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi CAC/RCP 53-2003.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Dự thảo cũng quy định yêu cầu về bao gói và ghi nhãn. Chuối phải được bao gói bằng vật liệu dùng cho thực phẩm, sạch, có chất lượng phù hợp để bảo vệ sản phẩm và không gây tổn thương bên ngoài hoặc bên trong quả; vật liệu bao gói phải có khả năng tái chế. Nhãn bao gói phải ghi rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, xuất khẩu hoặc phân phối; tên sản phẩm là “Fresh sweet banana”, kèm giống hoặc loại thương mại; nước xuất xứ; quy cách thương mại, hạng, chiều dài tối thiểu và cỡ quả tối đa; khối lượng tịnh; mã nhận diện hoặc số lô; và hướng dẫn bảo quản.</p> <p>Dự thảo tiêu chuẩn này đồng thời được thông báo theo cơ chế minh bạch của Hiệp định TBT/WTO.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 26/7/2026.</p>
11	G/SPS/N/BDI/160 <sup>6</sup>	TTBVTV	Cộng đồng Đông Phi	27/5/2026	Cộng đồng Đông Phi thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 2:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với ngô hạt thuộc các giống <i>Zea mays indentata L.</i> , <i>Zea mays indurata L.</i> , <i>Zea mays everta</i> hoặc các giống lai của chúng, dùng làm thực phẩm cho người	<p>Cộng đồng Đông Phi thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 2:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với ngô hạt thuộc các giống <i>Zea mays indentata L.</i>, <i>Zea mays indurata L.</i>, <i>Zea mays everta</i> hoặc các giống lai của chúng, dùng làm thực phẩm cho người.</p> <p>Theo đó, ngô hạt được phân loại theo màu sắc gồm ngô vàng, ngô trắng, ngô đỏ hoặc ngô hỗn hợp; đồng thời có thể được phân loại theo dạng hạt gồm ngô đá, ngô răng ngựa hoặc hỗn hợp giữa hai dạng này. Sản phẩm phải hầu như không có mùi lạ, nấm mốc, sinh vật gây hại còn sống, hạt cỏ dại độc hại hoặc có hại và các loại hạt ăn được khác.</p>

<sup>6</sup>G/SPS/N/KEN/371, G/SPS/N/RWA/153, G/SPS/N/TZA/541, G/SPS/N/UGA/481

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Dự thảo quy định các chỉ tiêu chất lượng đối với ngô hạt theo 03 cấp hạng, bao gồm tỷ lệ hạt bị sinh vật gây hại phá hoại, hạt thối hoặc nhiễm bệnh, hạt đổi màu, hạt non hoặc teo lép, hạt vỡ, tổng số hạt khuyết tật, tạp chất lạ, tạp chất vô cơ, tạp bản có nguồn gốc động vật và độ ẩm. Độ ẩm tối đa của ngô hạt là 13,5%; tạp chất lạ tối đa 0,5%; tạp chất vô cơ tối đa 0,25% và tạp bản tối đa 0,1%. Đối với ngô nổ, dự thảo bổ sung yêu cầu về tỷ lệ nổ theo từng cấp hạng đối với nhóm butterfly popcorn và mushroom popcorn.</p> <p>Về an toàn thực phẩm, ngô hạt phải tuân thủ giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật do Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex quy định; giới hạn kim loại nặng theo CXS 193; đồng thời đáp ứng giới hạn độc tố nấm mốc, gồm tổng aflatoxin tối đa 10 µg/kg, aflatoxin B1 tối đa 5 µg/kg và fumonisin tối đa 2.000 µg/kg.</p> <p>Sản phẩm phải được sản xuất, chuẩn bị và xử lý theo nguyên tắc vệ sinh thực phẩm quy định tại EAS 39. Dự thảo cũng quy định yêu cầu về bao gói và ghi nhãn. Ngô hạt phải được đóng gói bằng vật liệu dùng cho thực phẩm, bảo đảm duy trì chất lượng vệ sinh, dinh dưỡng và cảm quan của sản phẩm. Nhãn sản phẩm phải thể hiện các thông tin như tên sản phẩm, cấp hạng, tên và địa chỉ của nhà sản xuất/đóng gói/nhập khẩu, số lô, khối lượng tịnh, tuyên bố “Thực phẩm dùng cho người”, hướng dẫn bảo quản, năm vụ mùa, ngày đóng gói, hướng dẫn xử lý bao bì sau sử dụng, nước xuất xứ và khai báo về việc ngô có biến đổi gen hay không, nếu áp dụng.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Dự thảo tiêu chuẩn này đồng thời được thông báo theo cơ chế minh bạch của Hiệp định TBT/WTO. Thời hạn góp ý trước ngày 26/7/2026.</p>
12	G/SPS/N/COL/426	TTBVTV	Cô-lôm-bi-a	27/5/2026	<p>Cô-lôm-bi-a dự thảo Nghị quy định yêu cầu đăng ký đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, xuất khẩu và/hoặc phân phối chế phẩm sinh học sử dụng trong nông nghiệp.</p>	<p>Cô-lôm-bi-a dự thảo Nghị quy định yêu cầu đăng ký đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, xuất khẩu và/hoặc phân phối chế phẩm sinh học sử dụng trong nông nghiệp, đồng thời quy định yêu cầu đăng ký, quản lý và kiểm soát đối với các sản phẩm này.</p> <p>Dự thảo áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, xuất khẩu và/hoặc phân phối vật tư sinh học dùng trong nông nghiệp trên lãnh thổ Colombia; đồng thời áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thử nghiệm hiệu lực nông học đối với nhóm sản phẩm này. Nội dung dự thảo bao gồm điều kiện đăng ký hoạt động với ICA, đăng ký sản phẩm, yêu cầu đối với thử nghiệm hiệu lực nông học, nhập khẩu mẫu thử nghiệm, sửa đổi đăng ký, nghĩa vụ, trách nhiệm và các hành vi bị cấm đối với chủ thể đăng ký.</p> <p>Theo dự thảo, vật tư sinh học dùng trong nông nghiệp bao gồm các nhóm như phân bón sinh học, sản phẩm xử lý ô nhiễm đất bằng sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và chất kích thích sinh học; trong đó có thể bao gồm vi sinh vật, vi-rút, sinh vật vĩ mô, dịch chiết thực vật, sản phẩm sinh hóa và chất bán hóa học. Hồ sơ đăng ký phải đáp ứng các yêu cầu về thông tin kỹ thuật, thành phần bảo đảm, kiểm soát chất lượng, thử nghiệm hiệu lực nông học, độ ổn định, nhãn sản phẩm và phiếu kỹ thuật. Việc đăng ký, sửa đổi và quản lý thông tin được thực hiện thông qua hệ thống SimpliflCA hoặc cơ chế do ICA</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>quy định.</p> <p>Dự thảo cũng quy định cơ chế kiểm soát sau đăng ký, bao gồm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng sản phẩm, sử dụng đúng nhãn và phiếu kỹ thuật đã được phê duyệt, cung cấp thông tin kỹ thuật khi ICA yêu cầu, cũng như các biện pháp xử lý như đình chỉ, hủy đăng ký, niêm phong, tịch thu hoặc áp dụng chế tài trong trường hợp sản phẩm không đáp ứng yêu cầu hoặc gây rủi ro đối với sức khỏe con người, môi trường, an toàn nông nghiệp và kiểm soát dịch hại. Dự thảo cấm sản xuất, đóng gói hoặc nhập khẩu vật tư sinh học dùng trong nông nghiệp sử dụng quy trình hoặc vật liệu có chứa sinh vật gây bệnh đối với môi trường, sức khỏe con người hoặc an toàn nông nghiệp; sản phẩm được tạo ra từ độc tố, bao gồm <math>\beta</math>-exotoxin của <i>Bacillus thuringiensis</i>; và các sản phẩm thuộc nhóm độc tính cao hoặc cực độc.</p> <p>Đối với các tổ chức, cá nhân đã có đăng ký còn hiệu lực tại thời điểm Nghị quyết có hiệu lực, dự thảo quy định thời hạn chuyển tiếp 12 tháng để nhập và cập nhật thông tin của từng đăng ký hiện hành, bao gồm thông tin về thử nghiệm hiệu lực đã được phê duyệt, lên hệ thống SimplifICA hoặc hệ thống thông tin do ICA quy định. Việc cập nhật dữ liệu trong thời hạn chuyển tiếp này không phát sinh phí; sau thời hạn nêu trên, trường hợp không cập nhật thông tin, tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện thủ tục đăng ký mới.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 26/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/UGA/483	BCT, Văn phòng TBT Việt Nam	Cộng hòa U-gan-đa	27/5/2026	Cộng hòa U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DUS 33:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản phẩm kem lạnh, kem đá và hỗn hợp dùng để chế biến các sản phẩm này (edible ices and ice mixes).	<p>Cộng hòa U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia DUS 33:2026 quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sản phẩm kem lạnh, kem đá và hỗn hợp dùng để chế biến các sản phẩm này (edible ices and ice mixes), bao gồm dạng lỏng và dạng bột/khô, dùng làm thực phẩm cho người.</p> <p>Dự thảo quy định phạm vi áp dụng, thuật ngữ, yêu cầu về nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, phụ gia thực phẩm, giới hạn chất ô nhiễm, yêu cầu vệ sinh, bao gói, khối lượng, ghi nhãn và phương pháp lấy mẫu.</p> <p>Theo dự thảo, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu lý hóa cụ thể tùy theo từng nhóm sản phẩm, gồm sản phẩm tráng miệng đông lạnh, kem sữa chua, sản phẩm tráng miệng đông lạnh dinh dưỡng đặc biệt, kem nước và đá que/kem que. Các chỉ tiêu được quy định bao gồm hàm lượng chất béo sữa, protein, chất rắn lòng đỏ trứng nếu công bố, chất khô tổng số và chất rắn sữa không béo trong trường hợp sản phẩm có sử dụng nguyên liệu sữa.</p> <p>Đối với chỉ tiêu độ axit, dự thảo quy định độ axit tính theo axit lactic đối với kem sữa chua và độ axit tính theo axit citric đối với kem nước, đá que/kem que. Phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản phẩm phải phù hợp với tiêu chuẩn US 45; giới hạn kim loại nặng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ mức tối đa do Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex quy định.</p> <p>Về chỉ tiêu vi sinh, sản phẩm phải đáp ứng giới hạn tối đa đối với tổng số vi sinh vật hiếu khí là <math>10^3</math> CFU/ml, nấm men và nấm mốc là 10 CFU/ml; Escherichia coli và Listeria monocytogenes phải không có mặt trong 1 ml</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>mẫu thử, trong khi Salmonella không được phát hiện theo phương pháp thử tương ứng. Sản phẩm phải được sản xuất, xử lý trong điều kiện vệ sinh phù hợp với US EAS 39, được bao gói bằng vật liệu tiếp xúc thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn US 1659 và ghi nhãn theo US EAS 38. Nhãn sản phẩm phải thể hiện các thông tin bắt buộc như tên sản phẩm, tên và địa chỉ nhà sản xuất, đóng gói hoặc phân phối, thể tích hoặc khối lượng tịnh, danh mục thành phần, xuất xứ nếu áp dụng, hạn sử dụng tốt nhất trước, khai báo chất gây dị ứng nếu có và thông tin về hương liệu, màu nhân tạo nếu được sử dụng.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 26/7/2026.</p> <p>Dự thảo tiêu chuẩn đồng thời được thông báo theo khuôn khổ Ủy ban TBT của WTO.</p>
14	G/SPS/N/PER/1129	TTBVTV	Cộng hòa Pê-ru	26/5/2026	Cộng hòa Pê-ru dự thảo Quyết định của SENASA về yêu cầu kiểm dịch thực vật bắt buộc đối với nhập khẩu hạt giống cà chua ( <i>Solanum lycopersicum</i> ) từ tất cả các nguồn gốc.	<p>Cộng hòa Pê-ru dự thảo Quyết định của SENASA về yêu cầu kiểm dịch thực vật bắt buộc đối với nhập khẩu hạt giống cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) từ tất cả các nguồn gốc.</p> <p>Dự thảo thay thế các yêu cầu kiểm dịch thực vật riêng lẻ trước đây đối với hạt giống cà chua, chuyển sang áp dụng một bộ yêu cầu thống nhất.</p> <p>Theo dự thảo, hạt giống cà chua nhập khẩu vào Peru phải có giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu do SENASA cấp trước khi chứng nhận kiểm dịch và trước khi lô hàng được xuất khẩu. Lô hàng phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bản gốc (hoặc chứng nhận tái xuất) cấp bởi Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu/gửi hàng.</p> <p>Giấy chứng nhận phải kèm tuyên bố bổ sung xác nhận</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>việc đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật theo lộ trình 2 giai đoạn:</p> <p><b>- Giai đoạn 1 (Áp dụng đến hết ngày 30/9/2028):</b> Xác nhận mẫu hạt giống đã được lấy mẫu theo tiêu chuẩn NIMF số 31, được phân tích bằng kỹ thuật chẩn đoán phù hợp và không phát hiện các dịch hại kiểm dịch thực vật thuộc danh mục quy định theo từng nước xuất xứ (bao gồm các vi khuẩn, nấm, virus và viroid như <i>Clavibacter michiganensis</i> subsp. <i>michiganensis</i>, <i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>tomato</i>, các loài <i>Xanthomonas</i>, <i>Fusarium oxysporum</i> f.sp. <i>radicis-lycopersici</i>, <i>Boeremia lycopersici</i>, <i>Phoma destructiva</i>, <i>Tomato black ring virus</i>, <i>Tomato mottle mosaic virus</i>, <i>Pepper chat fruit viroid</i>, <i>Tomato chlorotic dwarf viroid</i>...).</p> <p><b>- Giai đoạn 2 (Áp dụng từ ngày 01/10/2028):</b> Yêu cầu thắt chặt từ nguồn. Tuyên bố bổ sung bắt buộc phải xác nhận hạt giống được thu hoạch từ những cây mẹ đã được NPPO nước xuất xứ kiểm tra trong quá trình sinh trưởng tại đồng ruộng và được xác nhận bằng phân tích phòng thí nghiệm không phát hiện các dịch hại nêu trên.</p> <p><b>Các yêu cầu chung:</b> Lô hàng phải được xử lý khử trùng trước khi xuất khẩu bằng thuốc trừ nấm (ghi rõ hoạt chất, tên thương mại và liều lượng); Hạt giống phải đóng trong bao bì mới, sử dụng lần đầu, không lẫn đất, tàn dư thực vật; bao bì phải ghi tên sản phẩm, số lô và nước xuất xứ; Lô hàng phải chịu kiểm tra kiểm dịch và lấy mẫu xét nghiệm tại cửa khẩu Peru, mọi chi phí do nhà nhập khẩu chịu. Đối với lô hạt giống không quá 2 kg hoặc hạt giống nhập khẩu để gieo trồng phục vụ sản</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						xuất hạt giống xuất khẩu, nhà nhập khẩu có thể lựa chọn lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc áp dụng quy trình theo dõi kiểm dịch sau nhập khẩu (quarantena posentrada) tại địa điểm sản xuất được phép. Thời hạn góp ý là 90 ngày kể từ ngày thông báo (dự kiến ngày 24/8/2026).
15	G/SPS/N/BDI/158 <sup>7</sup>	BCT	Cộng đồng Đông Phi	26/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 95:2026 yêu cầu đối với bột cao lương.	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 95:2026 yêu cầu đối với bột cao lương dùng cho người tiêu dùng. Dự thảo áp dụng đối với bột được sản xuất từ hạt cao lương đã tách vỏ ( <i>Sorghum bicolor</i> (L.) Moench.), không áp dụng đối với sản phẩm dạng tấm hoặc bột thô từ cao lương. Dự thảo quy định bột cao lương phải bảo đảm an toàn cho tiêu dùng, có mùi vị đặc trưng, không chứa ký sinh trùng, côn trùng sống hoặc tạp chất có nguồn gốc động vật. Các chỉ tiêu chất lượng gồm độ ẩm tối đa 13,5%; hàm lượng tro tối đa 1,5%; hàm lượng tro không tan trong axit tối đa 0,40%; hàm lượng chất béo thô tối đa 4,7%; hàm lượng chất xơ thô tối đa 2,5%; hàm lượng tannin tối đa 0,3%. Dự thảo cũng quy định yêu cầu về kích thước hạt, theo đó tối thiểu 85% bột loại trung bình phải lọt qua rây 1 mm và tối thiểu 85% bột mịn phải lọt qua rây 0,5 mm.

<sup>7</sup> G/SPS/N/KEN/369, G/SPS/N/RWA/151, G/SPS/N/TZA/539, G/SPS/N/UGA/479

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Về an toàn thực phẩm, dự thảo yêu cầu sản phẩm không chứa <i>Escherichia coli</i> trong 1 g và <i>Salmonella</i> trong 25 g mẫu thử; giới hạn tối đa đối với nấm men và nấm mốc là <math>10^4</math> CFU/g và <i>Staphylococcus aureus</i> là <math>10^2</math> CFU/g. Dự thảo cũng quy định giới hạn kim loại nặng gồm chì tối đa 0,2 mg/kg và cadimi tối đa 0,1 mg/kg; đồng thời yêu cầu sản phẩm đáp ứng giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và độc tố vi nấm theo Codex Alimentarius. Giới hạn độc tố vi nấm gồm tổng aflatoxin tối đa 10 µg/kg, aflatoxin B1 tối đa 5 µg/kg và fumonisins tối đa 2.000 µg/kg.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo cho phép sử dụng phụ gia thực phẩm theo CODEX STAN 192; yêu cầu sản phẩm được bao gói bằng vật liệu đạt chuẩn thực phẩm, bao bì phải sạch, chắc chắn và được niêm kín phù hợp. Nhãn sản phẩm phải thể hiện đầy đủ tên sản phẩm, loại bột “Fine” hoặc “Medium”, tên và địa chỉ nhà sản xuất hoặc nhập khẩu, số lô, khối lượng tịnh, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nước xuất xứ, hướng dẫn bảo quản và hướng dẫn xử lý bao bì sau sử dụng. Việc lấy mẫu được thực hiện theo tiêu chuẩn EAS 900.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 25/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
16	G/SPS/N/BDI/157 <sup>8</sup>	BCT	Cộng đồng Đông Phi	26/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 782:2026 yêu cầu đối với bột hỗn hợp.	<p>Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 782:2026 yêu cầu đối với bột hỗn hợp. Dự thảo áp dụng đối với sản phẩm bột được sản xuất bằng cách phối trộn bột từ các loại thực vật thực phẩm, ngũ cốc, hạt hoặc sản phẩm từ các nguyên liệu này để sử dụng làm thực phẩm cho người, không áp dụng đối với các loại bột phối trộn đã có tiêu chuẩn riêng được ban hành.</p> <p>Dự thảo quy định nguyên liệu sử dụng phải sạch, không hư hỏng, không nhiễm tạp chất và đáp ứng các tiêu chuẩn Đông Phi liên quan. Sản phẩm bột hỗn hợp phải không có mùi vị lạ, gần như không chứa côn trùng sống hoặc tạp chất có nguồn gốc động vật và bảo đảm phù hợp cho tiêu dùng. Các chỉ tiêu chất lượng gồm độ ẩm tối đa 14%; hàm lượng chất xơ thô tối đa 5%; hàm lượng tro không tan trong axit tối đa 0,40% tính trên cơ sở khô. Đối với các thành phần đặc thù, nếu sử dụng sản phẩm nguyên liệu phối trộn thì hàm lượng axit hydrocyanic tổng số không được vượt quá 10 mg/kg. Nếu sử dụng đậu tương, hoạt tính urease không được vượt quá 0,3 mg N/g/phút, đối với hoạt tính chất ức chế trypsin, giới hạn là 5 mg/g; nếu sử dụng cao lương, hàm lượng tannin không được vượt quá 0,3% khối lượng chất khô.</p> <p>Về an toàn thực phẩm, dự thảo yêu cầu sản phẩm không chứa <i>Escherichia coli</i> và <i>Salmonella</i> spp. trong giới hạn kiểm nghiệm; giới hạn tối đa đối với nấm men và nấm mốc là 10<sup>4</sup> CFU/g và <i>Staphylococcus aureus</i> là 10<sup>2</sup> CFU/g.</p>

<sup>8</sup> G/SPS/N/KEN/368, G/SPS/N/RWA/150, G/SPS/N/TZA/538, G/SPS/N/UGA/478

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Dự thảo cũng quy định giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo Codex Alimentarius; giới hạn kim loại nặng gồm chì tối đa 0,2 mg/kg và cadimi tối đa 0,1 mg/kg; đồng thời quy định giới hạn độc tố vi nấm gồm tổng aflatoxin tối đa 10 µg/kg, aflatoxin B1 tối đa 5 µg/kg và fumonisins tối đa 2.000 µg/kg.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo yêu cầu sản phẩm phải được bao gói bằng vật liệu đạt chuẩn thực phẩm nhằm bảo đảm chất lượng vệ sinh, dinh dưỡng và cảm quan; khối lượng bao gói phải phù hợp với quy định của nước nhập khẩu. Nhãn sản phẩm phải thể hiện đầy đủ tên sản phẩm, tên và địa chỉ nhà sản xuất hoặc nhập khẩu, nhãn hiệu, ngày sản xuất, thành phần, số lô, khối lượng tịnh, hạn sử dụng, nước xuất xứ, hướng dẫn bảo quản và hướng dẫn xử lý bao bì sau sử dụng. Việc lấy mẫu sản phẩm được thực hiện theo tiêu chuẩn EAS 900.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 25/7/2026.</p>
17	G/SPS/N/BDI/156, <sup>9</sup>	BCT	Cộng đồng Đông Phi	26/5/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 781:2026 yêu cầu đối với bánh quy.	<p>Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn DEAS 781:2026 yêu cầu đối với bánh quy.</p> <p>Theo đó, dự thảo quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bánh quy dùng cho người tiêu dùng, bao gồm cả bánh quy giòn, bánh xốp, bánh cookies.</p> <p>Bánh quy phải được nướng chín đồng đều, có độ giòn, hương vị đặc trưng, không có vị đắng hoặc mùi ôi khét, không bị nhiễm nấm mốc hay côn trùng.</p>

<sup>9</sup>G/SPS/N/KEN/367, G/SPS/N/RWA/149, G/SPS/N/TZA/537, G/SPS/N/UGA/477

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Các chỉ tiêu chất lượng bao gồm giới hạn độ ẩm tối đa 6%; hàm lượng tro không tan trong axit và độ axit của chất béo chiết xuất được quy định riêng cho từng nhóm sản phẩm.</p> <p>Về an toàn thực phẩm, dự thảo yêu cầu sản phẩm không chứa <i>Escherichia coli</i> và <i>Salmonella spp.</i> trong giới hạn kiểm nghiệm, đồng thời giới hạn hàm lượng nấm men và nấm mốc ở mức tối đa <math>10^2</math> CFU/g. Phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất bánh quy phải phù hợp với tiêu chuẩn Codex CXS 192; các chất nhiễm bẩn và độc tố phải đáp ứng giới hạn quy định tại CXS 193.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo quy định bao gói bánh quy phải sử dụng bằng vật liệu đạt chuẩn thực phẩm nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh và chất lượng cảm quan của sản phẩm. Nhãn phải thể hiện đầy đủ tên sản phẩm, tên và địa chỉ nhà sản xuất hoặc phân phối, ngày sản xuất, thành phần, số lô, hạn sử dụng, nước xuất xứ, khối lượng tịnh, hướng dẫn bảo quản, cảnh báo dị ứng (nếu có) và hướng dẫn xử lý bao bì sau sử dụng. Dự thảo cũng quy định chi tiết phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu, số lượng mẫu kiểm nghiệm và tiêu chí đánh giá sự phù hợp của lô hàng.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 25/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
18	G/SPS/N/CAN/1640	ATTP	Ca-na-đa	22/5/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục chất tạo màu thực phẩm được phép sử dụng, theo đó cho phép sử dụng phụ gia tạo màu xanh Jagua (genipin-glycine) làm chất tạo màu trong một số loại thực phẩm.	<p>Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục chất tạo màu thực phẩm được phép sử dụng, theo đó cho phép sử dụng phụ gia tạo màu xanh Jagua (genipin-glycine) làm chất tạo màu trong một số loại thực phẩm, với mức sử dụng tối đa khác nhau tùy theo từng nhóm thực phẩm.</p> <p>Bộ Y tế Ca-na-đa đã hoàn thành đánh giá trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đề nghị sử dụng màu xanh Jagua (genipin-glycine), bao gồm đánh giá về an toàn và hiệu quả sử dụng. Kết quả đánh giá cho thấy chất tạo màu này đáp ứng yêu cầu an toàn và hiệu quả đối với các mục đích sử dụng được đề xuất.</p> <p>Việc sửa đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày nội dung sửa đổi được công bố trong Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của Cơ quan Y tế Ca-na-đa.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 28/7/2026.</p>
19	G/SPS/N/CHN/1367 /Corr.1	ATTP	Trung Quốc	19/5/2026	Trung Quốc thông báo đính chính dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm Capsanthin (được thông báo tại mã G/SPS/N/CHN/1367).	<p>Trung Quốc thông báo đính chính dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm Capsanthin (được thông báo tại mã G/SPS/N/CHN/1367).</p> <p>Nội dung đính chính nhằm sửa lỗi tại mục 5 của thông báo trước đó và cung cấp lại theo tài liệu kèm theo.</p> <p>Dự thảo tiêu chuẩn này thay thế GB 1886.34-2015 về phụ gia thực phẩm chất màu đỏ ớt. So với phiên bản năm 2015, dự thảo sửa đổi phạm vi áp dụng; cập nhật khối lượng phân tử tương đối của capsanthin và capsorubin; điều chỉnh tên gọi chỉ tiêu hấp thụ quang; sửa đổi chỉ tiêu và phương pháp kiểm nghiệm đối với capsaicin, chì, asen và dư lượng dung môi; đồng thời sửa đổi mô tả đối với sản phẩm thương mại hóa.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Theo dự thảo, tiêu chuẩn áp dụng đối với phụ gia thực phẩm chất màu đỏ ớt được sản xuất từ vỏ quả ớt <i>Capsicum annuum</i> L. và các sản phẩm từ vỏ quả ớt, thông qua các công đoạn chiết xuất bằng chất lỏng siêu tới hạn CO<sub>2</sub> hoặc dung môi hữu cơ, lọc, cô đặc và khử capsaicin. Các dung môi được phép sử dụng gồm dung môi chiết xuất dầu thực vật, n-hexan, acetone, ethyl acetate, methanol, ethanol, isopropanol và CO<sub>2</sub>.</p> <p>Dự thảo quy định yêu cầu cảm quan, chỉ tiêu lý hóa và phương pháp kiểm nghiệm đối với chất màu đỏ ớt. Các chỉ tiêu chính gồm: màu đỏ sẫm, trạng thái dầu lỏng; giá trị màu tại bước sóng 460 nm không thấp hơn 50; asen không quá 1,0 mg/kg; chì không quá 1,0 mg/kg; dư lượng n-hexan không quá 25 mg/kg; tổng dư lượng dung môi hữu cơ không quá 50 mg/kg; và hàm lượng capsaicin không quá 0,02%.</p>
20	G/SPS/N/BRA/2492	ATTP, CNTY	Bra-xin	19/5/2026	Bra-xin thông báo Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.617 ngày 24/4/2026 về việc cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trên toàn lãnh thổ các phụ gia tăng cường hiệu suất có chứa chất kháng khuẩn được phân loại là quan trọng trong y học hoặc thú y.	<p>Bra-xin thông báo Sắc lệnh SDA/MAPA số 1.617 ngày 24/4/2026 về việc cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trên toàn lãnh thổ các phụ gia tăng cường hiệu suất có chứa chất kháng khuẩn được phân loại là quan trọng trong y học hoặc thú y; đồng thời hủy đăng ký đối với các sản phẩm tương ứng.</p> <p>Danh mục chất kháng khuẩn bị cấm sử dụng làm phụ gia tăng cường hiệu suất gồm: Avoparcin, Bacitracin, Zinc Bacitracin, Bacitracin Methylene Disalicylate và Virginiamycin.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Văn bản có hiệu lực từ ngày 27/4/2026. Các sản phẩm đã được sản xuất hoặc nhập khẩu trước ngày văn bản có hiệu lực, bao gồm sản phẩm đang vận chuyển hoặc đang làm thủ tục thông quan, được phép tiếp tục kinh doanh và sử dụng trong thời hạn 180 ngày. Sau thời hạn này, lượng hàng tồn còn lại trên thị trường hoặc tại các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phải được thu hồi trong vòng 90 ngày.</p> <p>Các cơ sở đang giữ đăng ký đối với các phụ gia thuộc diện cấm phải thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố văn bản về lô hàng nhập khẩu hoặc sản xuất cuối cùng, lượng tồn kho còn lại và các sản phẩm đang vận chuyển quốc tế hoặc đang làm thủ tục thông quan.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 18/7/2026.</p>
21	G/SPS/N/BRA/2491	TTBVTV	Bra-xin	18/5/2026	<p>Braxin thông báo dự thảo quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống thu hải đường (<i>Begonia spp.</i>), từ mọi nguồn gốc.</p>	<p>Bra-xin thông báo dự thảo quy định về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống thu hải đường (<i>Begonia spp.</i>), từ mọi nguồn gốc.</p> <p>Dự thảo áp dụng đối với vật liệu nhân giống thuộc Nhóm 4, bao gồm cây giống, cành giâm, hạt giống và cây giống nuôi cây mô.</p> <p>Theo dự thảo, các lô hàng nhập khẩu phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu cấp. Tùy từng loại vật liệu nhân giống, giấy chứng nhận phải có các tuyên bố bổ sung xác nhận lô hàng đã được kiểm tra và không nhiễm các sinh vật gây hại kiểm dịch cụ thể, hoặc không nhiễm các sinh vật gây hại theo kết quả phân tích chính thức của phòng thử nghiệm.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Đối với hạt giống thu hải đường, lô hàng phải không có hạt cỏ dại kiểm dịch của Bra-xin. Đối với cây giống, cành giâm và cây giống nuôi cấy mô, dự thảo quy định các danh mục sinh vật gây hại phải được kiểm tra hoặc phân tích, bao gồm một số loài côn trùng, tuyến trùng, nấm, vi khuẩn và vi rút thực vật có nguy cơ kiểm dịch.</p> <p>Nước xuất khẩu có thể sử dụng tuyên bố thay thế đối với các sinh vật gây hại được quản lý nếu chứng minh sinh vật đó là đối tượng kiểm dịch vắng mặt hoặc không hiện diện trên lãnh thổ nước xuất khẩu. Tuy nhiên, các tuyên bố bổ sung dự kiến sử dụng phải được thông báo trước và được Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của Bra-xin chấp thuận.</p> <p>Các lô hàng sẽ bị kiểm tra kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu nhập khẩu vào Bra-xin và có thể bị lấy mẫu để phân tích tại phòng thử nghiệm chính thức hoặc phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Braxin công nhận. Trường hợp phát hiện sinh vật gây hại kiểm dịch hoặc sinh vật có tiềm năng kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc tái xuất; đồng thời Bra-xin có thể tạm dừng nhập khẩu vật liệu nhân giống thu hải đường cho đến khi hoàn tất rà soát phân tích nguy cơ dịch hại.</p> <p>Thời hạn góp ý trước ngày 17/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
22	G/SPS/N/UKR/267	ATTP	U-crai-na	18/5/2026	U-crai-na dự thảo Nghị quyết về phê duyệt quy trình đăng ký nhà nước đối với các đối tượng của biện pháp vệ sinh và quy định yêu cầu về hình thức và nội dung hồ sơ, tài liệu phục vụ đăng ký.	<p>U-crai-na dự thảo Nghị quyết về phê duyệt quy trình đăng ký nhà nước đối với các đối tượng của biện pháp vệ sinh và quy định yêu cầu về hình thức và nội dung hồ sơ, tài liệu phục vụ đăng ký.</p> <p>Dự thảo áp dụng đối với phụ gia thực phẩm, hương liệu thực phẩm, nguyên liệu thô để sản xuất hương liệu khối và enzyme thực phẩm.</p> <p>Dự thảo sửa đổi điều kiện sử dụng, sửa đổi thông số kỹ thuật của đối tượng đã đăng ký, yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký, tài liệu kèm theo, quyết định đăng ký nhà nước, đánh giá rủi ro, ý kiến khoa học về an toàn, cũng như việc xử lý yêu cầu bảo mật và bảo vệ thông tin mật trong hồ sơ.</p> <p>Dự thảo quy định hồ sơ có thể được nộp trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc dưới hình thức điện tử. Bộ Y tế U-crai-na kiểm tra hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ Y tế chuyển hồ sơ cho đơn vị có thẩm quyền để đánh giá rủi ro và lập kết luận khoa học về an toàn. Sau khi nhận được kết luận khoa học, Bộ Y tế U-crai-na ra quyết định đăng ký hoặc từ chối đăng ký trong thời hạn 30 ngày.</p> <p>Đối với yêu cầu bảo mật thông tin trong hồ sơ, Bộ Y tế xem xét trong thời hạn tối đa 70 ngày lịch nhưng không kéo dài quá thời điểm ra quyết định đối với hồ sơ liên quan.</p> <p>Dự thảo cũng quy định một số yêu cầu kỹ thuật đối với hồ sơ đăng ký, bao gồm hồ sơ đăng ký, bản tóm tắt hồ sơ, danh mục nghiên cứu, thông tin về thông báo nghiên cứu và tài liệu liên quan đến bảo mật thông tin nếu có.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Các nghiên cứu phục vụ đánh giá an toàn, đặc biệt là nghiên cứu độc tính, phải có cơ sở khoa học phù hợp; hồ sơ đăng ký phải cung cấp thông tin cần thiết để đánh giá rủi ro và kiểm chứng mức độ an toàn đối với sức khỏe con người. Dự thảo dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/9/2026. Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày thông báo được WTO lưu hành.</p>
23	G/SPS/N/UKR/266	ATTP	U-crai-na	18/5/2026	U-crai-na dự thảo quy định về các tiêu chí phân loại nước uống là nước khoáng thiên nhiên	<p>U-crai-na dự thảo quy định về các tiêu chí phân loại nước uống là nước khoáng thiên nhiên</p> <p>Dự thảo quy định các tiêu chí địa chất, thủy địa chất, vật lý, hóa học, hóa lý và vi sinh mà nước uống phải đáp ứng để được phân loại là nước khoáng thiên nhiên. Theo đó, nước khoáng thiên nhiên phải có nguồn gốc từ tầng chứa nước ngầm, được khai thác qua một hoặc nhiều nguồn tự nhiên hoặc giếng khoan; được bảo vệ khỏi nguy cơ ô nhiễm; bảo đảm an toàn vi sinh; có thành phần, nhiệt độ và các đặc tính cơ bản ổn định trong phạm vi dao động tự nhiên.</p> <p>Dự thảo cũng quy định các yêu cầu đánh giá về đặc tính tự nhiên của nước, bao gồm hàm lượng khoáng chất, nguyên tố vi lượng hoặc các thành phần khác; đồng thời trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu các nghiên cứu dược lý, sinh lý và lâm sàng để đánh giá tác động của nước đối với sức khỏe con người.</p> <p>Đáng chú ý, dự thảo quy định mức tối đa đối với một số thành phần tự nhiên có thể gây rủi ro cho sức khỏe con người trong nước khoáng thiên nhiên, như bari, bo, cadimi, mangan, asen, đồng, niken, nitrat, nitrit, thủy ngân, chì, selen, antimon, florua, crom và xyanua. Nước</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>khoáng thiên nhiên tại thời điểm đóng chai không được chứa các thành phần này vượt quá mức tối đa quy định. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày WTO lưu hành thông báo.</p>
24	G/SPS/N/IND/353	CNTY	Ấn Độ	18/5/2026	<p>Ấn Độ thông báo dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với nhập khẩu tinh dịch động vật họ ngựa.</p>	<p>Ấn Độ dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với nhập khẩu tinh dịch động vật họ ngựa.</p> <p>Theo dự thảo, tinh dịch nhập khẩu phải có nguồn gốc từ ngựa đực giống đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, không có dấu hiệu bệnh vào ngày thu thập tinh dịch và trong 30 ngày tiếp theo. Ngựa đực cho tinh phải được sinh ra hoặc có thời gian sống liên tục tại quốc gia xuất xứ ít nhất 01 năm trước ngày thu thập tinh dịch, đồng thời được nuôi tại trung tâm thu thập tinh dịch được phê duyệt ít nhất 06 tháng trước khi lấy tinh. Các cá thể cho tinh phải đáp ứng yêu cầu xét nghiệm, kiểm tra với kết quả âm tính đối với nhiều bệnh nguy hiểm trên loài ngựa như African Horse Sickness, Equine Infectious Anemia, Equine Viral Arteritis, Glanders, Dourine, Brucellosis, Leptospirosis, Venezuelan Equine Encephalomyelitis và Contagious Equine Metritis, phù hợp với tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH).</p> <p>Dự thảo cũng quy định chi tiết về điều kiện của trung tâm thu thập tinh dịch, khả năng truy xuất nguồn gốc, quy trình xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, yêu cầu vệ sinh trong quá trình thu thập, xử lý, đóng gói, bảo quản và vận chuyển tinh dịch, bao gồm yêu cầu bổ sung kháng sinh vào môi trường pha loãng/bảo quản tinh dịch và lưu giữ tinh dịch trong bình ni-tơ lỏng kín tối thiểu 30 ngày sau khi thu thập.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Sau khi nhập khẩu vào Ấn Độ, lô hàng và hồ sơ kèm theo sẽ được Cơ quan Kiểm dịch và Chứng nhận động vật kiểm tra; mẫu có thể được lấy để xét nghiệm African Horse Sickness, Brucellosis, Equine Viral Arteritis, Glanders, Dourine và các bệnh liên quan khác. Trường hợp hồ sơ hoặc sản phẩm không đáp ứng yêu cầu, hoặc phát hiện dương tính với bệnh, lô hàng sẽ bị xử lý theo quy định của Ấn Độ với chi phí do bên nhập khẩu chịu. Thời hạn góp ý trước ngày 17/7/2026.</p>
25	G/SPS/N/IND/352	CNTY	Ấn Độ	18/5/2026	<p>Ấn Độ dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với nhập khẩu động vật họ ngựa, bao gồm lừa hoang, ngựa vằn; và các loài động vật móng guốc ngón lẻ không thuộc họ ngựa, bao gồm heo vòi, tê giác và các loài khác.</p>	<p>Ấn Độ dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y đối với nhập khẩu động vật họ ngựa, bao gồm lừa hoang, ngựa vằn; và các loài động vật móng guốc ngón lẻ không thuộc họ ngựa, bao gồm heo vòi, tê giác và các loài khác. Dự thảo quy định các yêu cầu chi tiết về vệ sinh thú y, kiểm dịch, xét nghiệm, tiêm phòng, vận chuyển và quản lý sau nhập khẩu nhằm bảo đảm an toàn sinh học, đồng thời ngăn ngừa nguy cơ xâm nhập và lây lan các bệnh truyền nhiễm.</p> <p>Giấy chứng nhận bao gồm các nội dung liên quan đến nhận dạng động vật, nguồn gốc xuất xứ, kiểm dịch trước xuất khẩu, tình trạng không có dịch bệnh của quốc gia hoặc cơ sở xuất khẩu, yêu cầu bắt buộc về tiêm phòng và xét nghiệm chẩn đoán đối với các bệnh liên quan đến loài tương ứng, biện pháp bảo vệ chống véc-tơ truyền bệnh, điều kiện vệ sinh trong quá trình vận chuyển và quy trình kiểm dịch sau nhập khẩu tại Ấn Độ.</p> <p>Động vật nhập khẩu phải được cách ly tối thiểu 30 ngày trước khi xuất khẩu tại cơ sở kiểm dịch được phê duyệt và tiếp tục cách ly ít nhất 30 ngày sau khi nhập khẩu tại Trạm</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Kiểm dịch được Chính phủ Ấn Độ phê duyệt.  Dự thảo cũng quy định trách nhiệm của cơ quan thú y có thẩm quyền và nhà nhập khẩu, đồng thời bảo đảm các điều kiện nhập khẩu phù hợp với hướng dẫn, tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH). Thời hạn góp ý trước ngày 17/7/2026.</p>

## 2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/AUS/376/Add.10	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	28/5/2026	Ô-xtrây-li-a mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp ứng phó khẩn cấp đối với vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> trên cây giồng và mẫu nuôi cấy mô.	<p>Ô-xtrây-li-a mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp ứng phó khẩn cấp đối với vi khuẩn <i>Xylella fastidiosa</i> đối với tất cả lô hàng cây giồng có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cấp từ thời điểm này trở đi (lô hàng cấp chứng nhận trước đó vẫn áp dụng quy định hiện hành).</p> <p>Theo đó, đối với các quốc gia thuộc nhóm nguy cơ thấp (bao gồm Việt Nam), mọi vật liệu nhân giống đều bắt buộc phải có phần khai báo bổ sung trên Giấy chứng nhận nhằm khẳng định lô hàng và cây giồng mẹ có nguồn gốc từ quốc gia hoàn toàn sạch vi khuẩn này.</p> <p>Riêng đối với nhóm có nguy cơ cao, mẫu nuôi cấy mô yêu cầu phải có khai báo bổ sung xác nhận mẫu cây gốc đã xét nghiệm PCR âm tính (kèm mã số phiếu); trong khi vật liệu không qua nuôi cấy mô bắt buộc trải qua một trong ba phương án xử lý khắt khe kết hợp giữa xông hơi khử trùng bằng Methyl bromide, xử lý nước nóng, nhúng hóa chất (thuốc trừ sâu/Sodium hypochlorite) và cách ly sau nhập khẩu từ 3 đến 12 tháng (kèm xét nghiệm PCR trước khi thông quan nếu cách ly 12 tháng tại cơ sở Mickleham, VIC).</p> <p>Các điều kiện nhập khẩu hiện hành khác vẫn tiếp tục được áp dụng.</p> <p>Chi tiết danh sách các chi vật chủ của <i>Xylella fastidiosa</i> tại thông báo của Ô-xtrây-li-a.</p> <p>Biện pháp mới áp dụng từ ngày 17/6/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/USA/3526/Add.1	CNTY, CLCB	Hoa Kỳ	22/5/2026	Hoa Kỳ thông báo bổ sung đối với quy định về kiểm tra sau giết mổ bằng quan sát trực quan tại các cơ sở giết mổ lợn.	<p>Hoa Kỳ thông báo bổ sung đối với quy định về kiểm tra sau giết mổ bằng quan sát trực quan tại các cơ sở giết mổ lợn.</p> <p>Theo đó, sửa đổi quy định nhằm chấm dứt yêu cầu bắt buộc phải rạch hạch bạch huyết hàm dưới và sờ nắn phủ tạng đối với thân thịt lợn tại tất cả các cơ sở giết mổ lợn, bao gồm cả cơ sở áp dụng phương thức kiểm tra truyền thống và Hệ thống kiểm tra giết mổ lợn mới (NSIS).</p> <p>Quy định cũng loại bỏ yêu cầu đối với nhân viên phân loại của cơ sở NSIS phải rạch hạch bạch huyết hàm dưới và sờ nắn phủ tạng trước khi Cơ quan Kiểm tra và An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) thực hiện kiểm tra sau giết mổ. Tuy nhiên, các cơ sở vẫn phải tiếp tục thực hiện hoạt động phân loại thân thịt và nhận diện các tình trạng hoặc khuyết tật dẫn đến loại bỏ trước khi thân thịt được chuyển đến nhân viên kiểm tra của FSIS.</p> <p>Đối với các cơ sở kiểm tra truyền thống, sửa đổi bảng tiêu chuẩn bố trí nhân sự kiểm tra sau giết mổ, theo hướng số lượng thanh tra tại các vị trí kiểm tra đầu, phủ tạng và thân thịt là số lượng tối đa, qua đó cho phép FSIS linh hoạt hơn trong phân công nhân sự kiểm tra phù hợp với cấu hình dây chuyền, hoạt động của cơ sở và nhu cầu nhân lực. Quy định này không làm thay đổi yêu cầu về tốc độ dây chuyền tại các cơ sở giết mổ lợn.</p> <p>Thông báo bổ sung này liên quan đến việc thông báo quy định đã được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực, không phải sửa đổi nội dung hoặc phạm vi của dự thảo đã thông báo trước đó.</p> <p>Quy định có hiệu lực từ ngày 20/7/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/BRA/2493	CNTY	Bra-xin	22/5/2026	Bra-xin thông báo Pháp lệnh SDA/MAPA số 1.626 ngày 14/5/2026 về việc cấm đăng ký, nhập khẩu, sử dụng, sử dụng/kê đơn ngoài nội dung đã được phê duyệt trên nhãn đối với các sản phẩm thú y chứa hoạt chất kháng khuẩn có nguồn gốc từ axit phosphonic, bao gồm calcium fosfomycin, trên ong, bò, ngựa và các loài thủy sản.	Bra-xin thông báo Pháp lệnh SDA/MAPA số 1.626 ngày 14/5/2026 về việc cấm đăng ký, nhập khẩu, sử dụng, sử dụng/kê đơn ngoài nội dung đã được phê duyệt trên nhãn đối với các sản phẩm thú y chứa hoạt chất kháng khuẩn có nguồn gốc từ axit phosphonic, bao gồm calcium fosfomycin, trên ong, bò, ngựa và các loài thủy sản. Biện pháp áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại, liên quan đến các sản phẩm thú y chứa hoạt chất kháng khuẩn nêu trên. Mục tiêu của biện pháp nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe động vật và bảo vệ con người khỏi dịch bệnh lây truyền từ động vật. Bra-xin cho biết biện pháp phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế liên quan của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH/OIE), cụ thể là Bộ luật Thú y trên cạn, Chương 6.8 và 6.10. Pháp lệnh được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 15/5/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 21/7/2026.
4	G/SPS/N/POL/26/ Add.1	TTBVTV	Ba Lan	22/5/2026	Ba Lan thông báo bổ sung bản dịch tiếng Anh đối với biện pháp khẩn cấp quy định các yêu cầu riêng đối với dư lượng một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.	Ba Lan thông báo bổ sung bản dịch tiếng Anh đối với biện pháp khẩn cấp quy định các yêu cầu riêng đối với dư lượng một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm. Theo đó, thông báo bổ sung nhằm cung cấp bản dịch tiếng Anh chính thức cho quy định đã được ban hành trước đó tại thông báo số G/SPS/N/POL/26 ngày 20/5/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
5	G/SPS/N/NAM/2	TTBVTV	Cộng hòa Na-mi-bi-a	22/5/2026	Cộng hòa Na-mi-bi-a thông báo tới WTO về Luật Hạt giống và Giống cây trồng năm 2018 (Luật số 23 năm 2018)	<p>Cộng hòa Na-mi-bi-a thông báo tới WTO về Luật Hạt giống và Giống cây trồng năm 2018 (Luật số 23 năm 2018). Luật này đã được công bố ngày 31/12/2018, việc thông báo hiện nay nhằm thực hiện nghĩa vụ minh bạch trên kênh SPS/WTO.</p> <p>Luật áp dụng đối với các loại hạt giống, trong đó có một số nhóm sản phẩm như ngũ cốc khác, hạt cải dầu, hạt hướng dương, hạt dầu khác, hạt củ cải đường để gieo trồng, hạt cây thân thảo trồng chủ yếu để lấy hoa, cây và bộ phận cây dùng trong hương liệu, dược phẩm, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc mục đích tương tự, cùng một số loại hạt gia vị như hồi, thì là, rau mùi, thì là Ai Cập, caraway và quả bách xù.</p> <p>Luật quy định việc quản lý hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hạt giống tại Cộng hòa Na-mi-bi-a. Theo đó, tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu hoặc xuất khẩu hạt giống phải đăng ký theo quy định.</p> <p>Đối với hạt giống nhập khẩu, yêu cầu phải thuộc giống đã được quy định trong Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đóng gói, niêm phong, ghi nhãn; và nhập khẩu qua cửa khẩu được chỉ định. Việc buôn bán hạt giống chưa được đăng ký hoặc không đáp ứng điều kiện quy định bị cấm.</p> <p>Đồng thời Luật cũng quy định việc thành lập Hội đồng Hạt giống Na-mi-bi-a, Ủy ban Giống cây trồng và Dịch vụ Chứng nhận Hạt giống để thực hiện quản lý, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận và giám sát chất lượng hạt giống.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Đáng chú ý, Luật quy định trách nhiệm bồi thường đối với nông dân. Khi bán hạt giống cho nông dân, nhà sản xuất phải công bố hiệu suất dự kiến của giống trong các điều kiện nhất định; nếu hạt giống đã đăng ký không đạt hiệu suất như đã công bố, nông dân có quyền yêu cầu nhà sản xuất bồi thường như trường hợp hạt giống có ẩn tì.</p> <p>Đối với hành vi vi phạm, Luật quy định mức phạt tiền tối đa <b>10.000 N\$</b> hoặc phạt tù đến <b>12 tháng</b>, hoặc áp dụng đồng thời cả hai hình thức. Hạt giống nhập khẩu không phù hợp quy định có thể bị yêu cầu tiêu hủy, tái xuất hoặc xử lý theo điều kiện của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Cộng hòa Na-mi-bi-a chưa xác định ngày áp dụng cụ thể; việc áp dụng Luật còn phụ thuộc vào thời điểm các quy định hướng dẫn được công bố trên Công báo.</p>
6	G/SPS/N/EU/883/Corr.1	CNTY	Liên minh châu Âu	20/5/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1011 ngày 07/5/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2025/1787 về việc cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi L-arginine (sản xuất từ vi khuẩn <i>Corynebacterium glutamicum</i> KCCM 80387).</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/1011 ngày 07/5/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2025/1787 về việc cấp phép phụ gia thức ăn chăn nuôi L-arginine (sản xuất từ vi khuẩn <i>Corynebacterium glutamicum</i> KCCM 80387).</p> <p>Theo nội dung đính chính, EU xác định có sai sót trong quy định ghi nhãn tại Phụ lục của Quy định (EU) số 2025/1787.</p> <p>Cụ thể, quy định trước đây yêu cầu “mức tối đa khuyến nghị của hoạt chất” phải được ghi trên nhãn của cả phụ gia và hỗn hợp tiền trộn (premixture). Tuy nhiên, EU làm rõ rằng yêu cầu này chỉ áp dụng đối với nhãn của phụ gia, không áp dụng đối với hỗn hợp tiền trộn.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Trên cơ sở đó, Quy định (EU) số 2026/1011 sửa đổi nội dung tại cột “Các quy định khác” bằng cách xóa cụm từ “and premixture” (“và hỗn hợp tiên trộn”).</p> <p>Quy định này có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.</p>
7	G/SPS/N/THA/793/Add.1	ATTP, BCT, CCPT	Thái Lan	20/5/2026	Thái Lan ban hành Thông báo số 469 về “Thực phẩm chứa trong bao bì kín khí”.	<p>Thái Lan ban hành Thông báo số 469 về “Thực phẩm chứa trong bao bì kín khí”, trên cơ sở dự thảo đã được thông báo tại mã G/SPS/N/THA/793 ngày 24/7/2025.</p> <p>Quy định áp dụng đối với thực phẩm được đóng trong bao bì kín khí, trong đó phân nhóm sản phẩm theo đặc tính an toàn như thực phẩm độ acid thấp, thực phẩm acid hóa và thực phẩm có hoạt độ nước thấp.</p> <p>Nội dung chính gồm yêu cầu xác lập quy trình xử lý nhiệt phù hợp, kiểm soát giá trị tiệt trùng, độ pH cân bằng, hoạt độ nước, khả năng phân bố và thâm nhập nhiệt trong sản phẩm; đồng thời yêu cầu kiểm soát nguy cơ vi sinh vật, đặc biệt đối với thực phẩm acid thấp có khả năng phát sinh <i>Clostridium botulinum</i>.</p> <p>Quy định cũng đặt ra yêu cầu về bao bì kín khí, khối lượng ráo nước, ghi nhãn, điều kiện sản xuất, thiết bị và hồ sơ kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và lưu thông.</p> <p>Thông báo được công bố trên Công báo Hoàng gia Thái Lan ngày 18/5/2026 và có hiệu lực từ ngày 19/5/2026.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/POL/26	TTBVTV	Ba Lan	20/5/2026	Ba Lan thông báo ban hành biện pháp khẩn cấp quy định các yêu cầu riêng đối với dư lượng một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm có xuất xứ từ nước thứ ba.	<p>Ba Lan thông báo ban hành biện pháp khẩn cấp quy định yêu cầu riêng về dư lượng một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm có xuất xứ từ nước thứ ba, gồm glufosinate, thiophanate-methyl, carbendazim và benomyl.</p> <p>Theo quy định, một số loại thực phẩm nhập khẩu như trái cây có múi, táo, lê, đào, mận, nho, xoài, đu đủ, cà chua, cà tím, đậu, ngũ cốc, mật ong và một số sản phẩm khác phải đáp ứng mức dư lượng tối đa riêng do Ba Lan quy định. Trong đó, quy định mức dư lượng tối đa theo từng nhóm sản phẩm, gồm: tổng dư lượng carbendazim và benomyl, tính theo carbendazim, ở mức 0,01 mg/kg; dư lượng glufosinate ở mức 0,03 mg/kg; dư lượng thiophanate-methyl ở mức 0,01 mg/kg. Danh mục sản phẩm áp dụng tương ứng với từng hoạt chất được quy định cụ thể tại Phụ lục của Quy định</p> <p>Ba Lan cho biết các hoạt chất này đã bị cấm hoặc không được gia hạn phê duyệt tại EU do có nguy cơ đối với sức khỏe con người, bao gồm độc tính sinh sản, khả năng gây đột biến và rối loạn nội tiết. Ba Lan cũng dẫn ý kiến của EFSA và Codex Alimentarius cho rằng một số mức dư lượng hiện hành có thể dẫn đến vượt ngưỡng tham chiếu độc chất học; đồng thời Codex đã bãi bỏ toàn bộ mức dư lượng tối đa đối với tổng carbendazim, benomyl và thiophanate-methyl, tính theo carbendazim, từ tháng 11/2025.</p> <p>Quy định được ban hành ngày 30/4/2026, công bố ngày 6/5/2026, có hiệu lực từ ngày 7/6/2026 và áp dụng trong</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						12 tháng, hoặc cho đến khi EU ban hành quy định tương ứng hoặc có quyết định không ban hành quy định liên quan.
9	G/SPS/N/JPN/1405/Add.1	CNTY	Nhật Bản	19/5/2026	Nhật Bản thông báo về việc sửa đổi Quy định đối với thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Nhật Bản thông báo về việc sửa đổi Quy định đối với thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi. Nội dung sửa đổi liên quan đến việc bổ sung/sửa đổi quy định đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi Acetylcysteine (đã thông báo tại mã G/SPS/N/JPN/1405 ngày 21/4/2026). Quy định có hiệu lực từ ngày 26/5/2026.
10	G/SPS/N/CHL/836/Add.1	CNTY, CCPT	Chi-lê	18/5/2026	Chi-lê thông báo ban hành Nghị quyết số 3.590 năm 2026 về quy định các tiêu chí chấp nhận Giấy chứng nhận thú y quốc tế đối với việc đưa vào hoặc nhập khẩu động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật.	Chi-lê thông báo ban hành Nghị quyết số 3.590 năm 2026 về quy định các tiêu chí chấp nhận Giấy chứng nhận thú y quốc tế đối với việc đưa vào hoặc nhập khẩu động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật. Theo quy định mới, Giấy chứng nhận thú y quốc tế phải thể hiện rõ các yêu cầu vệ sinh thú y cụ thể do Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi-lê (SAG) đặt ra; được cấp bởi cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu; được thỏa thuận trước với cơ quan có thẩm quyền và được SAG phê duyệt, hoặc tối thiểu phải chứng nhận đáp ứng các yêu cầu vệ sinh nhập khẩu cụ thể đối với từng loại động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật. Giấy chứng nhận phải được lập bằng ngôn ngữ của nước nhập khẩu và ngôn ngữ mà bác sĩ thú y cấp giấy hiệu được, hoặc bằng tiếng Anh; được phát hành theo mẫu chính thức của cơ quan thú y có thẩm quyền, có chữ ký và dấu của bác sĩ thú y chính thức.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Văn bản cũng cho phép sử dụng chữ ký, con dấu điện tử hoặc trao đổi dữ liệu điện tử trực tiếp giữa cơ quan thú y nước xuất khẩu và cơ quan thú y Chi-lê, với điều kiện phương thức này đã được SAG thỏa thuận, đánh giá và phê duyệt. cảng nhập khẩu, phương tiện vận chuyển, điều kiện bảo quản, mục đích nhập khẩu và thông tin nhận dạng cụ thể đối với động vật, vật liệu sinh sản hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật. Đối với động vật, giấy chứng nhận phải nêu thông tin về tiêm phòng, điều trị và kết quả xét nghiệm chẩn đoán nếu có yêu cầu.</p> <p>Nghị quyết được công bố trên Công báo Chile ngày 13/5/2026 và có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày công bố.</p>
11	G/SPS/N/CAN/1585/Add.1	TTBVTV	Ca-na-đa	18/5/2026	Ca-na-đa thông báo ban hành quy định mức dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật lambda-cyhalothrin.	<p>Ca-na-đa thông báo ban hành quy định mức dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật lambda-cyhalothrin. Các mức MRL này được thông qua ngày 11/5/2026 (dự thảo đã được thông báo tại mã G/SPS/N/CAN/1585 ngày 05/02/2025).</p> <p>Theo đó, Ca-na-đa thiết lập các MRL mới đối với lambda-cyhalothrin thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL, gồm: 0,03 ppm đối với mỡ của dê, lợn, ngựa và cừu; 0,01 ppm đối với trứng; thịt và phụ phẩm thịt của dê, lợn, ngựa và cừu; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của gia cầm; và sữa.</p> <p>Đồng thời, việc bãi bỏ MRL đối với lambda-cyhalothrin trên táo ở mức 0,3 ppm và đào ở mức 0,5 ppm theo PMRL2025-03 đã có hiệu lực. Dư lượng lambda-cyhalothrin trong hoặc trên táo và đào hiện được quản lý theo MRL chung 0,01 ppm áp dụng cho “tất cả các hàng hóa thực phẩm khác không được liệt kê riêng”.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
12	G/SPS/N/BRA/2471 /Add.1	TTBVTV	Bra-xin	18/5/2026	Braxin thông báo việc ban hành Thông tư số 443 ngày 08/5/2026 về việc bổ sung hoạt chất I35 – Methyl Icafoline vào Danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng trong thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm tẩy rửa diệt khuẩn/điệt côn trùng gia dụng và chất bảo quản gỗ.	Braxin thông báo việc ban hành Thông tư số 443 ngày 08/5/2026 về việc bổ sung hoạt chất I35 – Methyl Icafoline vào Danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng trong thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm tẩy rửa diệt khuẩn/điệt côn trùng gia dụng và chất bảo quản gỗ trên cơ sở dự thảo đã được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/BRA/2471. Văn bản có hiệu lực kể từ ngày 11/5/2026. Thời hạn góp ý đối với thông báo bổ sung là ngày 17/7/2026.
13	G/SPS/N/EU/949	CNTY	Liên minh châu Âu	18/5/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1017 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-threonine được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> CCTCC M 2024477 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1017 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-threonine được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> CCTCC M 2024477 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Từ ngày Quy định có hiệu lực, tức ngày 28/5/2026, đến hết ngày 28/5/2036, chất này được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi theo các điều kiện quy định tại Phụ lục. Phụ gia này có thể được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và trong nước uống; đối với động vật nhai lại, L-threonine phải được bảo vệ để tránh bị phân giải trong dạ cỏ. Quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải nêu rõ điều kiện bảo quản, độ ổn định khi xử lý nhiệt và độ ổn định trong nước uống. Nhãn của phụ gia phải ghi rõ độ ẩm; nhãn của phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải lưu ý việc bổ sung L-threonine, đặc biệt qua nước uống, cần tính đến toàn bộ các axit amin

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>thiết yếu và axit amin thiết yếu có điều kiện nhằm tránh mất cân bằng dinh dưỡng.</p> <p>Ngoài ra, quy định đặt yêu cầu kiểm soát nguy cơ phơi nhiễm nội độc tố đối với người sử dụng, với mức phơi nhiễm tối đa là 1.600 IU nội độc tố/m<sup>3</sup> không khí. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; trường hợp các rủi ro không thể được loại trừ bằng các biện pháp này, phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đối với da, mắt và đường hô hấp.</p>
14	G/SPS/N/EU/948	CNTY	Liên minh châu Âu	18/5/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1037 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép chế phẩm <i>Enterococcus lactis</i> NCIMB 10415 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1037 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép chế phẩm <i>Enterococcus lactis</i> NCIMB 10415 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Chế phẩm này trước đây được xác định là <i>Enterococcus faecium</i> NCIMB 10415, nay được cấp phép dưới tên <i>Enterococcus lactis</i> NCIMB 10415 là phụ gia công nghệ thuộc nhóm chức năng phụ gia ủ chua.</p> <p>Từ ngày Quy định có hiệu lực, tức ngày 28/5/2026, đến hết ngày 28/5/2036, chế phẩm này được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi theo các điều kiện quy định tại Phụ lục.</p> <p>Theo đó, khi không sử dụng kết hợp với vi sinh vật hoặc enzyme khác làm phụ gia ủ chua, liều tối thiểu là <math>1 \times 10^8</math> CFU/kg nguyên liệu thực vật tươi. EFSA kết luận chế phẩm này an toàn đối với tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường, đồng thời có khả năng cải thiện</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>quá trình sản xuất và chất lượng lên men của thức ăn ủ chua từ mọi loại nguyên liệu thực vật.</p> <p>Quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải nêu rõ điều kiện bảo quản. Đối với người sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; trường hợp các rủi ro không thể được loại trừ bằng các biện pháp này, phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đối với da, mắt và đường hô hấp.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo EU.</p>
15	G/SPS/N/EU/947	CNTY	Liên minh châu Âu	18/5/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1018 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép chế phẩm gồm <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NBRC 0203 và <i>Lacticaseibacillus rhamnosus</i> NBRC 3425 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1018 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép chế phẩm gồm <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NBRC 0203 và <i>Lacticaseibacillus rhamnosus</i> NBRC 3425 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Từ ngày Quy định có hiệu lực, tức ngày 28/5/2026, đến hết ngày 28/5/2036, chế phẩm nêu trên được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi theo các điều kiện quy định tại Phụ lục.</p> <p>Theo đó, chế phẩm chỉ được sử dụng đối với nguyên liệu thực vật tươi để ủ chua và tương đối khó ủ chua. Khi không sử dụng kết hợp với vi sinh vật hoặc enzyme khác làm phụ gia ủ chua, liều tối thiểu là <math>4,0 \times 10^2</math> CFU <i>Saccharomyces cerevisiae</i> NBRC 0203 và <math>3,2 \times 10^6</math> CFU <i>Lacticaseibacillus rhamnosus</i> NBRC 3425/kg nguyên liệu thực vật tươi.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải nêu rõ điều kiện bảo quản. Đối với người sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; trường hợp các rủi ro không thể được loại trừ bằng các biện pháp này, phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đối với da, mắt và đường hô hấp.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.</p>
16	G/SPS/N/EU/946	CNTY	Liên minh châu Âu	18/5/2026	<p>Liên minh châu Âu thông báo Quy định (EU) số 2026/1014 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-tryptophan được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> CCTCC M 2024517 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Liên minh châu Âu thông báo Quy định (EU) số 2026/1014 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-tryptophan được sản xuất bằng chủng <i>Escherichia coli</i> CCTCC M 2024517 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Từ ngày Quy định có hiệu lực, tức ngày 28/5/2026, đến hết ngày 28/5/2036, L-tryptophan được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi theo các điều kiện quy định tại Phụ lục.</p> <p>Phụ gia này có thể được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và trong nước uống. Đối với động vật nhai lại, L-tryptophan phải được bảo vệ để tránh bị phân giải trong dạ cỏ.</p> <p>Quy định yêu cầu hướng dẫn sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải nêu điều kiện bảo quản, độ ổn định khi xử lý nhiệt và độ ổn định trong nước uống. Nhãn của phụ gia phải ghi rõ độ ẩm; nhãn của phụ gia và hỗn hợp tiền trộn phải lưu ý việc bổ sung L-tryptophan, đặc biệt qua nước uống, cần tính đến toàn bộ các axit amin thiết yếu</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>và axit amin thiết yếu có điều kiện nhằm tránh mất cân bằng dinh dưỡng.</p> <p>Ngoài ra, quy định đặt yêu cầu kiểm soát nguy cơ phơi nhiễm nội độc tố đối với người sử dụng, với mức phơi nhiễm tối đa là 1.600 IU nội độc tố/m<sup>3</sup> không khí. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; trường hợp rủi ro không thể được loại trừ bằng các biện pháp này, phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đối với da, mắt và đường hô hấp.</p> <p>Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.</p>
17	G/SPS/N/EU/945	CNTY	Liên minh châu Âu	18/5/2026	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1012 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-cysteine, L-cysteine hydrochloride monohydrate và L-cysteine hydrochloride làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.</p>	<p>Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) số 2026/1012 ngày 07/5/2026 về việc cấp phép L-cysteine, L-cysteine hydrochloride monohydrate và L-cysteine hydrochloride làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Từ ngày Quy định có hiệu lực, tức ngày 28/5/2026, đến hết ngày 28/5/2036, các chất nêu trên được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi theo đúng điều kiện quy định tại Phụ lục.</p> <p>Quy định không thiết lập mức tối đa bắt buộc đối với các chất nêu trên vì lý do an toàn, nhưng yêu cầu ghi trên nhãn mức tối đa khuyến nghị là 25 mg hoạt chất/kg thức ăn chăn nuôi hoàn chỉnh có độ ẩm 12%. Các phụ gia phải được đưa vào thức ăn chăn nuôi dưới dạng hỗn hợp tiên trộn; hướng dẫn sử dụng phải nêu điều kiện bảo quản và độ ổn định khi xử lý nhiệt.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Trường hợp mức sử dụng ghi trên nhãn hỗn hợp tiền trộn có thể dẫn đến vượt mức khuyến nghị nêu trên, nhãn phải thể hiện nhóm chức năng, mã định danh, tên và lượng hoạt chất được bổ sung. Quy định cũng không cho phép sử dụng các chất này trong nước uống đối với nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Đối với người sử dụng phụ gia và hỗn hợp tiền trộn, cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải thiết lập quy trình vận hành và biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro; trường hợp các rủi ro không thể được loại trừ bằng các biện pháp này, phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đối với da, mắt và đường hô hấp. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.</p>
18	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.2	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	18/5/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo sửa đổi và cập nhật Quy định Kiểm dịch Thực vật	<p>Thổ Nhĩ Kỳ thông báo sửa đổi và cập nhật Quy định Kiểm dịch Thực vật, quy định đã được công bố trên Công báo Thổ Nhĩ Kỳ ngày 06/5/2026, số 33245, và sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày công bố.</p> <p>Theo đó, quy định các nguyên tắc, thủ tục và biện pháp kiểm soát chính thức đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác trong hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, tái xuất khẩu và đưa vào/rời khỏi khu vực tự do của Thổ Nhĩ Kỳ, nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của sinh vật gây hại. Các lô hàng thuộc phạm vi điều chỉnh phải thực hiện thủ tục trên Hệ thống đăng ký và theo dõi kiểm dịch thực vật của Thổ Nhĩ Kỳ và chịu kiểm tra theo ba bước gồm kiểm tra hồ sơ, kiểm tra khai báo và kiểm tra kiểm dịch thực vật; trong trường hợp cần thiết có thể bị lấy mẫu, phân tích tại phòng thí nghiệm được chỉ định.</p>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<p>Đối với nhập khẩu, lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu hợp lệ, bao gồm cả chứng thư điện tử nếu đáp ứng yêu cầu theo ISPM 12 và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Quy định cũng yêu cầu bao bì gỗ như pallet, thùng gỗ, hòm, vật liệu chèn lót phải tuân thủ tiêu chuẩn ISPM 15; trường hợp không đáp ứng sẽ không được phép nhập khẩu và bị trả lại nước xuất khẩu. Quy định nêu rõ các biện pháp xử lý đối với lô hàng không phù hợp, bao gồm từ chối nhập khẩu, trả lại nước xuất khẩu trong thời hạn quy định, cho phép bổ sung hồ sơ trong trường hợp sai sót hành chính, hoặc xử lý xông trùng/khử trùng một lần đối với một số sinh vật gây hại thông thường đã có mặt tại Thổ Nhĩ Kỳ. Chủ hàng có quyền khiếu nại kết quả phân tích trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo; việc khiếu nại sẽ do hội đồng chuyên gia xem xét, trường hợp cần thiết có thể phân tích lại và kết quả phân tích lại là kết quả cuối cùng.</p>
19	G/SPS/N/PHL/544	ATTP	Phi-líp-pin	18/5/2026	Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 14 năm 2026 quy định về nhập khẩu muối.	<p>Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 14 năm 2026 quy định về nhập khẩu muối.</p> <p>Thông tư quy định các biện pháp kiểm soát an toàn thực phẩm và quy trình kiểm tra đối với hoạt động nhập khẩu muối dùng cho thực phẩm và muối không dùng cho thực phẩm theo Mục 22 của Đạo luật Cộng hòa số 11985 về tăng cường và phục hồi ngành công nghiệp muối của Phi-líp-pin.</p> <p>Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 17/7/2026.</p>

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)
- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương.